TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 465/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 27 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 460/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Anh Trần Văn Minh D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số A B, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Phùng Thị Thanh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Minh D và chị Phùng Thị Thanh T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị vào ngày 22/8/2019. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 người con chung là cháu Trần Phùng Đăng K, sinh ngày 27/9/2019. Một thời gian sau thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh chị đã quyết định sống ly thân từ năm 2022 để suy nghĩ và tìm phương án hàn gắn nhưng đến nay vẫn không thể hàn gắn tình cảm được. Nên anh D, chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để mỗi người tự lựa chọn cuộc sống riêng cho mình.

2. Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Trần Phùng Đăng K, sinh ngày 27/9/2019. Anh Dũng, chị T thỏa thuận: Giao cháu Trần Phùng Đăng K cho chị

Phùng Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K đủ 18 tuổi; anh Trần Văn Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Văn Minh D và chị Phùng Thị Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Trần Văn Minh D và chị Phùng Thị Thanh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí yêu cầu: Anh Dũng, chị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004080 ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn Minh D và chị Phùng Thị Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Phùng Đăng K, sinh ngày 27/09/2019 cho chị Phùng Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K đủ 18 tuổi; anh Trần Văn M D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn Minh D và chị Phùng Thị Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Trần Văn Minh D và chị Phùng Thị Thanh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014

thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Anh Trần Văn Minh D và chị Phùng Thị Thanh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh, chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004080 ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Tp Huế;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp Huế;
- UBND xã V, huyện L, tỉnh Quảng Trị;
(Đăng ký kết hôn ngày 22/8/2019)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Lê Nhân Đức